

Bản án số: 18/2024/DS- ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và ông Nguyễn Tiên Sứ.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:
Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc “V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

1, *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn H1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

và chị Đào Thị H2, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Khu 6, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Khương Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2024, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông và anh Dương Văn H1, chị Đào Thị H2 có quan hệ cậu cháu, ông là cậu anh H1, chị H2 là cháu dâu. Do cần tiền để làm ăn nên ngày 10/3/2023 vợ chồng ông cho anh H1, chị H2 vay tiền làm 02 lần tổng số tiền là 139.200.000 đồng. Lần

1 vợ ông cho anh H1, chị H2 vay số tiền 71.000.000 đồng; lần hai ông cho anh H1, chị H2 vay 68.200.000 đồng. Khi cho vay con trai ông là Nguyễn Văn T2 là người viết giấy vay tiền. Anh H1, chị H2 ký vào giấy vay tiền. Khi cho vay không hẹn ngày trả nợ. Mặc dù trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận là lãi suất 1%/tháng. Khi vay tiền anh H1, chị H2 nói là vay tiền để đầu tư nuôi lợn và làm quán bán hàng bia và tạp hóa, vớt quay. Kể từ ngày vợ chồng ông cho anh H1, chị H2 vay tiền đến nay anh H1 và chị H2 chưa trả cho ông tiền gốc. Tháng 12/2023 ông có sang nhà anh H1 nhiều lần yêu cầu anh H1, chị H2 trả nợ nhưng anh H1 và chị H2 vẫn chưa trả cho ông đồng nào. Đến nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H1, chị H2 trả cho vợ chồng ông tiền gốc là 139.200.000 đồng; tiền lãi ông đề nghị anh H1, chị H2 phải trả ông lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 10/3/2023 đến ngày ông khởi kiện là 12 tháng là 13.200.000 đồng. Tại phiên tòa ông T1 tự nguyện rút yêu cầu đòi nợ tiền lãi chỉ yêu cầu anh H1, chị H2 trả cho vợ chồng ông tiền gốc.

Bị đơn anh Dương Văn H1, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải được, tại bản tự khai ngày 22/7/2024 anh H1 trình bày: Anh có nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án về việc ông Nguyễn Văn T1 khởi kiện đòi nợ. Anh H1 trình bày ông T1 là cậu anh, vợ anh là Đào Thị H2 có vay tiền của ông T1 bà L nhiều lần, lãi suất hai bên thỏa thuận tính đến ngày 10/3/2023 vợ chồng anh nợ của ông T1, bà L hai khoản: một khoản là 71.000.000 đồng; một khoản là 68.200.000 đồng. Tổng hai khoản là 139.200.000 đồng, trước kia không có giấy tờ biên nhận gì. Đến ngày 10/3/2023 ông T1 yêu cầu viết giấy nhận nợ thì vợ chồng anh viết, giấy nhận nợ do anh Nguyễn Văn T2 con trai ông T1 viết vợ chồng anh ký. Anh H1 xác nhận chữ ký của anh trong giấy nhận nợ do ông T1 nộp tại Tòa án là đúng. Đến nay ông T1 yêu cầu vợ chồng anh trả nợ 139.200.000 đồng anh H1 toàn toàn nhất trí, từ ngày 10/3/2023 đến nay anh chưa trả tiền lãi cho ông T1, anh đề nghị ông T1 cho xin tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2024 chị Đào Thị H2 trình bày: Ngày 10/3/2023 vợ chồng chị có vay của ông T1, bà L tổng số tiền 139.200.000 đồng, thực tế vợ chồng chị đã vay từ trước đến ngày 10/3/2023 ông T1, bà L yêu cầu vợ chồng chị ký giấy vay tiền. Trước đó hàng tháng chị trả lãi cho ông T1, bà L theo thỏa thuận. Tháng 8/2023 vợ chồng mâu thuẫn nên chị không ở cùng anh H1 nữa. Đến nay ông T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả nợ số tiền 139.200.000 đồng và yêu cầu tiền lãi chị nhất trí. Do hiện nay anh H1 đang sử dụng toàn bộ tài sản của vợ chồng nên chị đề nghị anh H1 trả toàn bộ số nợ của ông T1, bà L và đề nghị Tòa án giải quyết

vắng mặt chị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn T1 khởi kiện anh Dương Văn H1 và chị Đào Thị H2 bị đơn có địa chỉ tại xã H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc trả nợ số tiền vay còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Văn H1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chị Đào Thị H2 và bà Khương Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn anh H1, chị H2 với ông T1, bà L. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc, tiền lãi. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay tài sản giữa chị H2, anh H1 với ông T1, bà L được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của hai bên, hàng tháng chị H2 vẫn trả tiền lãi cho ông T1 theo thỏa thuận. Tính đến ngày 10/3/2023, vợ chồng anh Dương Văn H1 và chị Đào Thị H2 còn nợ ông Nguyễn Văn T1 và bà Khuất Thị Lý tổng số tiền gốc là 139.200.000 đồng. Do không trả được tiền lãi nên ngày 10/3/2023 anh H1, chị H2 mới ký giấy vay nợ cho ông T1, bà L. Kể từ đó đến nay anh H1, chị H2 không trả tiền lãi, tiền gốc cho ông T1, bà L. Ông T1, bà L đã

nhiều lần yêu cầu anh H1, chị H2 trả nợ tiền gốc và tiền lãi nhưng anh H1, chị H2 không trả. Số tiền lãi chị H2 đã trả cho ông T1, bà L là thỏa thuận của các bên không ai đề nghị tính lại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hợp đồng vay tài sản giữa ông T1, bà L với chị H2, anh H1 không thể hiện ngày trả nợ, đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi do vậy bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất kỳ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian H và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản. Ông T1 đã báo trước cho anh H1, chị H2 nhưng anh H1, chị H2 vẫn không thực hiện việc trả nợ nên ông T1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H1, chị H2 trả nợ tiền vay là có căn cứ, đối với tiền lãi trong hợp đồng không ghi lãi suất. Tại phiên tòa ông T1 tự nguyện không yêu cầu anh H1, chị H2 trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông T1. Cần buộc anh H1, chị H2 phải trả cho ông T1 tiền gốc là 139.200.000 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật là 139.200.000 đồng $\times 5\% = 6.960.000$ đồng, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 đối với anh Dương Văn H1 và chị Đào Thị H2.

Buộc anh Dương Văn H1 và chị Đào Thị H2 phải trả cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Khuất Thị Lý số tiền là: 139.200.000 đồng tiền gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền lãi của ông Nguyễn Văn T1.

3. Về án phí: Anh Dương Văn H1 và chị Đào Thị H2 phải chịu 6.960.000 đồng (Sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn T1 3.820.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000244 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thành- Nguyễn Tiến Sử

Nguyễn Công Sinh

